TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST Ngày 14-01-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H Kim A, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Châu Quang H, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Q; tạm trú: Tổ 2, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H Kim A và ông Châu Quang H chung sống với nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là

phường) U, huyện (nay là thị xã) T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển số 01/2010 ngày 29-3-2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, không tin tưởng lẫn nhau, dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông Châu Quang H.

Về con chung: Bà A và ông H có một con chung tên Châu Gia B, sinh ngày 02-7-2008, hiện đang sống cùng bà A. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà A yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Châu Quang H đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng ông H không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Châu Quang H vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng

minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Bị đơn ông Châu Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H Kim A và ông Châu Quang H chung sống với nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Uyên Hưng, huyện (nay là thị xã) Tân Uyên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển số 01/2010 ngày 29-3-2012, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, ông H không đến Tòa án cho thấy ông H không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà A xác định không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà A và ông H có một con chung tên Châu Gia B, sinh ngày 02-7-2008. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, con chung Châu Gia B hiện đang sống cùng bà A, bà A chăm sóc con chung đảm B quyền lợi về mọi mặt của con chung, đồng thời cháu B có nguyện vọng sống cùng bà A. Do vậy, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H Kim A phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Kim A đối với ông Châu Quang H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H Kim A được ly hôn với ông Châu Quang H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Châu Gia B, sinh ngày 02-7-2008 cho bà H Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Châu Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Châu Gia B, sinh ngày 02-7-2008 số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng.

Ông Châu Quang H và bà H Kim A đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Ông H được quyền đi lại thăm nom con và không ai được phép cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông H. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H Kim A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051799 ngày 20-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được này thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- CCTHADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường U, thị xã T, tỉnh B (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mỹ Trúc